TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình

2. Ông Hồ Đắc Minh

- Thư kA phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lA số: 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22A/2022/QĐST-HN ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HN ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Như A, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Dương

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Đình D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Dương

Chị A có mặt; anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Như A trình bày*: Chị và anh D chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống có 01 con chung tên Trịnh Gia P, sinh ngày 04/12/2020, hiện tại cháu P đang sống với chị. Chị và anh D sống hạnh P đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không lo

cho gia đình, thường xuyên ăn chơi từ đó vợ chồng dẫn đến cải vã nhau, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã M, huyện Dầu Tiếng sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh D bỏ mặt vợ con, chị thấy anh D không có thiện chí hàn gắn gia đình. Do đó chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xin rút lại yêu cầu để chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trịnh Đình D*: Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị A.

Kiểm sát viên phát biểu A kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A; giao con cho chị A trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung chị A tự nguyện rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản giữa chị A với anh D; nợ chung chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Đình D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như A và anh Trịnh Đình D chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị A yêu cầu ly hôn, do anh D không lo lắng cho gia đình vợ con, thường xuyên cải vã nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi A kiến của mình, chứng tỏ anh D không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân anh không tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị A và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Trịnh Gia P, sinh ngày 04/12/2020, riêng anh D không A kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu P sống chung với chị A đã ổn định được chị trông nom chăm sóc phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu P cho chị A được tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị A xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị A và anh D có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị A khai không có nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này anh D có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lA và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lA và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Như A đối với anh Trịnh Đình D. Chị A được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao cho chị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trinh Gia P, sinh ngày 04/12/2020. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị A đối với anh D.

4. Về nợ chung: Chị A khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0045901 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị A được nhận lại số tiền án phí chia tài sản chung là 862.500 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm chị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Riêng anh D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng